

TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH GIẢI DIỄN NGHĨA

Tập 101

Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không

Thời gian: Ngày 07 tháng 08 năm 2010

Địa điểm: Giảng đường Hoa Nghiêm Malaysia

Viết dịch: Ban biên dịch Pháp Âm Tuyên Lưu

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi. Mời xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 117, hàng thứ bảy từ dưới lên, chúng ta đọc từ “an trụ trong hết thảy”.

“An trụ trong hết thảy, sách Hội Sớ nói: An trụ nghĩa là bất động. Đức thành tựu bất thoái, nên gọi là an trụ. Không đức nào không đầy đủ, nên nói là hết thảy.” Ở phần trước, chúng tôi cũng đã nói qua câu này, bắt đầu xem từ chỗ này, đây là khởi đầu của một đoạn. An trụ, bất luận là người mới học hay là đã tu học lâu đều hết sức quan trọng, người xưa nói “thân an thì đạo hưng thịnh”. Chúng ta nghĩ đến thế kỷ cận đại này, không có cao tăng đại đức xuất hiện ở thế gian. Phật pháp là như vậy, thế pháp cũng không ngoại lệ, không những ở Trung Quốc, mà chúng ta gần như ở mọi nơi trên toàn thế giới đều thấy được. Nguyên nhân là gì? Thế kỷ này không có hai chữ “an trụ”, toàn bộ xã hội của thế giới đều rơi vào trạng thái bất an, cho nên lòng người không thể định, điều này rất khó thành tựu. Nhưng trên thực tế thì vấn đề này, hoàn cảnh chung không tốt, xã hội này động loạn, nếu như cá nhân thật sự có thiện căn, có phước đức, vẫn có thể thành tựu. Thiện căn là lòng tin kiên định, phước đức là có thể chịu khổ chịu nạn, người như vậy rất ít, không phải là không có. Cho nên năm xưa khi Phật diệt độ, tôn giả A-nan đã từng hỏi Phật, Phật tại thế, chúng con nương vào ngài làm thầy, ngài không tại thế nữa, chúng con nên nương vào ai? Phật đã nói một câu “lấy giới làm thầy”, còn có một câu nữa là “lấy khổ làm thầy”. Nói cách khác, trong thời đại ngày nay, chúng ta có thể trì giới, có thể chịu khổ thì sẽ có thể thành tựu. Đầy đủ hai điều kiện này, bất luận là nơi thuận cảnh, nơi nghịch cảnh, đều có thể như như bất động. Bí quyết của thành công chính là điều mà cổ đại đức dạy chúng ta, “thâm nhập một môn, huân tu lâu dài”. Ví dụ như trong hoàn cảnh ngày nay, chính mình có thể tìm được một nơi rất hẻo lánh, một nơi rất lạc hậu, nơi lạc hậu thì bình an, mọi người không tranh giành, không có ai đến tranh giành, chắc chắn là điều kiện vật chất rất kém. Thế nhưng lại tốt, càng kém càng tốt, dựng một

cái lều tranh nhỏ, bạn tặng người ta, người ta không cần, xem thường bạn, vậy mà bình an.

Có thể an định lại 10 năm bất động, bạn an trụ ở nơi này, học một bộ kinh giáo đến cùng. Một người chỉ cần có hai điều kiện này, trì giới thì thực hiện Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên, Thập Thiện Nghiệp Đạo, đây chính là thuộc về trì giới, nhất định phải học. Không có những điều này, đó chính là không có rễ, căn bản của đại thánh đại hiền thể xuất thế gian, chính là ở trong ba thứ này. Ba thứ này không khó, thời gian một năm là đủ rồi. Ba thứ này không phải để niệm, không phải để học thuộc lòng, mà là mỗi điều, mỗi điều một phải làm được. Đệ Tử Quy có 113 điều; Cảm Ứng Thiên cũng không thể tính là nhiều, nhân quả thiện ác tổng cộng có 195 điều; Thập Thiện Nghiệp Đạo chính là 10 điều, hai cái rễ trước cắm xuống thì Thập Thiện Nghiệp Đạo sẽ không còn vấn đề gì nữa. Cũng chính là nói, điều chi tiết của Thập Thiện Nghiệp chính là Cảm Ứng Thiên và Đệ Tử Quy, cái rễ này cắm tốt rồi, vậy thì bạn chính là thiện nam tử thiện nữ nhân, đạt được điều kiện này. Mười năm, bộ kinh Vô Lượng Thọ này tốt, mỗi ngày đọc một lần, nếu có duyên phận có thể nghe giảng thì càng tốt, nghe giảng thì hiện nay chúng ta có đĩa DVD, có Internet, cũng có truyền hình vệ tinh. Cho nên có duyên phận này thì có thể thu lấy để nghe, mỗi ngày nghe 4 tiếng đồng hồ trở lên, không thể ít hơn 4 tiếng đồng hồ. Thời gian còn lại thì chuyên niệm A-di-đà Phật, tâm của bạn sẽ định, định được 3 năm, 5 năm liền đạt được niệm Phật tam-muội, thêm hai, ba năm nữa thì rất có khả năng khai ngộ, đạt được tam-muội chính là đắc định, định có thể khai tuệ. Cho nên thật sự muốn thành tựu, thì bất luận hoàn cảnh nào cũng đều có thể tu hành.

Trong thời loạn, mọi người cùng nhau cộng tu khá khó khăn, như những năm đầu Dân Quốc, quả thực lúc bấy giờ có cao tăng đại đức thật sự muốn mở trường học để bồi dưỡng nhân tài cho thế hệ sau, nhưng do chiến tranh, đều không có cách nào làm được viên mãn. Pháp sư Ứng Từ mở đại học Hoa Nghiêm, chưa đến một năm thì đóng cửa; đại sư Âu Dương mở China Nội Học Viện, xem ra là có thành tựu nhất, cũng chỉ làm được hai năm thì không thể tiếp tục nữa. Sau chiến tranh tôi ở Đài Loan, lão cư sĩ Lý Bình Nam thành lập một lớp kinh học ở liên xã Đài Trung, nhằm bồi dưỡng nhân tài giảng kinh, các đồng học có hơn 20 người, tôi là người tham gia cuối cùng, cũng chỉ dạy được hai năm thì không mở tiếp nữa, duyên chẳng dễ dàng. Tôi học kinh giáo chính là học từ trong lớp này với thầy Lý, nếu không có lớp này, quả thật là chúng tôi ngay cả kinh giáo cũng chẳng học được, thời gian tuy không dài

nhưng tôi vẫn may mắn gặp được. Vì thế, an trụ trong hết thấy quan trọng hơn bất cứ điều gì. Không có cơ duyên, chúng ta phải nghĩ cách tìm cơ hội, một người trải qua những ngày tháng đơn giản thanh khổ, hộ trì không cần phải rất nhiều, có một, hai người hộ pháp nhiệt tâm chăm sóc bạn, vậy thì không có vấn đề, đời sống càng đơn giản càng tốt, người thật sự tu hành một ngày có thể ăn một bữa, ăn một bữa giữa ngày.

Lão cư sĩ Lý Bình Nam có lẽ là ngoài 30 tuổi thầy mới gặp được Phật pháp, còn muộn hơn tôi, tôi gặp được Phật pháp lúc 26 tuổi, thầy nói với tôi là ngoài 30 tuổi. Thầy gặp được Phật pháp không lâu thì thầy liền không ăn sau giờ Ngọ, ăn hai bữa, qua thêm hai, ba năm nữa thì bữa sáng cũng bỏ luôn, mỗi ngày ăn một bữa, suốt đời không thay đổi, điều này thật không dễ dàng, bớt việc. Tự mình chăm sóc chính mình, ăn cơm tự mình nấu, quần áo tự mình giặt, tự mình chăm sóc bản thân, mãi cho đến lúc 95 tuổi vẫn cứ tự mình chăm sóc chính mình. Hai năm sau cùng, thầy mới đồng ý để cho hai học trò phát tâm chăm sóc thầy, thầy mới tiếp nhận; trước đó có người muốn chăm sóc thầy nhưng thầy không chịu. Tôi ở Đài Trung học giáo với thầy, cũng chịu ảnh hưởng bởi sự thân giáo của thầy, cho nên lúc tôi ở Đài Trung là ba mươi mấy tuổi, tôi cũng học theo thầy mỗi ngày ăn một bữa, tôi ăn đến tháng thứ tám tôi mới nói cho thầy biết. Tôi nói: Thưa thầy, hiện nay con mỗi ngày ăn một bữa. “Đã bao lâu rồi?” Tám tháng rồi. “Thấy thế nào? Thân thể có thay đổi gì không?” Tôi nói: Rất bình thường. Thầy vỗ bàn một cái: “Cứ vĩnh viễn giữ như vậy, cả đời không cần người.” Đời sống đơn giản, nhu cầu rất ít, một người hộ pháp nhiệt tâm thì đủ rồi, không cần phan duyên, người xưa nói “người đến mức không cầu thì nhân phẩm tự cao”, nhất định phải biết tiết kiệm, tiết phước, quan trọng hơn bất cứ điều gì khác. Cho nên có quyết tâm, có nghị lực, ở trong xã hội động loạn, bản thân có thể như như bất động. Học theo thiên vương Quảng Mục trong tứ đại thiên vương, ngài chính là biểu thị ý nghĩa này, trong thời cuộc động loạn, bản thân giữ được bất động, vẫn có thể thành tựu như nhau. Cho nên ý nghĩa này, tôi ở đây xin biểu thị ra cho quý vị thấy, chính là “an trụ nghĩa là bất động”.

“Đức thành tựu bất thoái”, đức này chính là nói về giới và định, chúng ta có thể học tốt Đệ Tử Quy, Cấm Ứng Thiên, Thập Thiện Nghiệp, hoàn toàn áp dụng vào trong đời sống hằng ngày, xử sự đối người tiếp vật, vĩnh viễn không thoái tâm. Rồi sau đó một mục tiêu, một phương hướng, chuyên tu Tịnh độ, phương hướng này là thế giới Tây Phương Cực Lạc, mục tiêu này là thấy A-di-đà Phật, tâm này phải định,

quyết định không thay đổi, đức liền thành tựu, thành tựu bất thoái, đó gọi là an trụ. “Không đức nào không đầy đủ, nên nói là hết thảy”, có thể buông xuống hết thảy, đó chính là không đức nào không đầy đủ. Chúng ta buông xuống chấp trước đối với hết thảy pháp thế gian và xuất thế gian, không những không chấp trước, mà tốt nhất là phân biệt cũng không có. Làm sao có thể đạt được? Chuyên tâm nơi kinh giáo, nhất tâm niệm Di-đà, như vậy chính là đều thực hiện được. Kinh Hoa Nghiêm nói “một là hết thảy, hết thảy là một”, một bộ kinh này đủ rồi, không chỉ là kinh giáo mà Thích-ca Mâu-ni Phật nói trong 49 năm, mà còn đồng thời viên mãn đầy đủ lời giáo huấn của hết thảy Như Lai, Pháp thân Bồ-tát mười phương ba đời, đều nằm ở trong này. Đặc biệt là trong xã hội giống như hiện nay, nắm vững bộ kinh này, một câu Phật hiệu, không một ai không thành tựu. Đạo lý này chúng ta nhất định phải hiểu, phải sáng tỏ, thật sự phát tâm y giáo phụng hành. *“Phần trước đã trích dẫn trong phẩm Hạnh Nguyên, trong khoảng một niệm, tất cả hạnh nguyện đều được thành tựu.”* Phần trước đã từng trích dẫn câu kinh văn này của phẩm Hạnh Nguyên, ở chỗ này là giải thích, *“tức là trong một niệm, viên thành hạnh nguyện”*. Viên là viên mãn, thành là thành tựu, ngay trong một niệm thành tựu viên mãn đại hạnh Phổ Hiền, đại nguyện Di-đà. *“Nên có thể an trụ trong hết thảy pháp công đức Phật quả của Như Lai”*, pháp môn niệm Phật đã đại biểu viên mãn.

Chúng ta xem tiếp đoạn dưới đây, *“đi khắp mười phương, hành quyền phương tiện”*. Câu phía trước là nói về chúng ta tu hành thành tựu tự hành; câu này là hóa tha, sau khi chúng ta thành tựu, phải giúp đỡ hết thảy chúng sanh khổ nạn, vậy thì không thể trú ở một nơi. Hai ngày trước có một vị pháp sư Nhật Bản đến thăm, Nakanishi Zuikou, tôi quen biết ngài có lẽ cũng được 10 năm. Mấy năm trước tôi đã đến Nhật Bản sáu lần, tôi từng tới thăm núi Hiei của Nhật Bản, ngọn núi này người Nhật Bản gọi nó là mẹ của Phật giáo, người Nhật Bản xưng tụng ngọn núi này. Phật giáo của Nhật Bản có 13 tông phái, nhiều hơn Trung Quốc, tổ sư khai sơn của 13 tông phái ấy đều tu hành trên núi này. Cho nên tôi nhất định phải đến ngọn núi này xem qua, đi viếng thăm, đến tìm hiểu đôi chút. Những vị tổ sư đại đức này năm xưa tu hành trên núi, họ không có xuống núi, thời gian trú ở đó lâu nhất là bao nhiêu năm? Họ nói cho tôi biết, hơn 30 năm, hơn 30 năm không xuống núi. Ngắn nhất là bao nhiêu? 14 năm, cho nên họ có thành tựu. Người xưa Trung Quốc của chúng ta thường nói “mười năm đèn sách, một bước thành danh”, nếu không có công phu từ 10 năm trở lên thì không được, đây đều là điển hình rất tốt cho chúng ta. Tôi di dân sang Úc, lập ra một học viện Tịnh tông để cúng dường đại chúng, hy vọng đại chúng

ở nơi đó thật sự an tâm tu hành, có thể có được một chút thành tựu. Lúc đó tôi đã ấn định kỳ hạn tu học là chín năm, có người nói cho tôi biết, thời gian 9 năm quá dài, có thể rút ngắn còn 7 năm không? Tôi cũng chưa thể quyết định được ý kiến, vừa vặn có cơ hội sang Nhật Bản hội họp, sau khi đến thăm núi Hiei trở về, thì 9 năm không thể bớt được nữa, người ta tu hành trên núi tối thiểu là 14 năm, 9 năm của chúng ta lẽ nào còn có thể giảm bớt được sao? Liền ấn định là 9 năm.

Năm nay đã tròn 9 năm rồi, sang năm chính là kỷ niệm 10 năm, học viện của chúng ta có thành tựu hay không? Xin thưa với quý vị, không có. Nguyên nhân là gì? Không có làm theo quy củ. Ba cái rể Nho Thích Đạo, chúng tôi đã dạy không ít năm, nhưng không có ai thật sự chịu làm; thêm có một cái nữa, thâm nhập một môn, huân tu lâu dài cũng không có ai làm được. Cho nên tôi nói với mọi người, bởi vì tuổi tác của họ vẫn chưa xem là cao, đại khái cũng gần 50 tuổi thôi, vẫn còn được không? Được. Ở Đại lục có một ví dụ, bắt đầu học tập từ năm 55 tuổi, là một cư sĩ tại gia, 55 tuổi mới bắt đầu (trước đó chưa từng tiếp xúc Phật pháp), 65 tuổi thành tựu rồi, bà ấy tại gia, thật tiếc là chưa xuống tóc, hễ xuống tóc thăng tòa thì chính là đại pháp sư. Bà nói cho tôi biết, 10 năm bà chỉ học một bộ kinh Vô Lượng Thọ, bà học như thế nào? Mỗi ngày bà nghe một đĩa CD ghi lời giảng kinh Vô Lượng Thọ của tôi, có lẽ là bản mà tôi giảng vào 10 năm trước, chưa được chi tiết như thế này. Toàn bộ kinh tổng cộng 60 giờ là giảng viên mãn, 60 đĩa CD, bà mỗi ngày nghe một đĩa, mỗi đĩa là một giờ, thế nhưng bà nghe đi nghe lại đến 10 tiếng đồng hồ, mỗi ngày nghe kinh 10 tiếng đồng hồ. Bà nói nghe kinh đối với bà hết sức hữu dụng, tại sao vậy? Vọng niệm của bà không còn nữa, ngoài nghe kinh ra chính là niệm Phật. Bộ kinh này nghe từ đầu đến cuối viên mãn rồi, nghe lại từ đầu, nghe xong rồi liền nghe lại từ đầu, nghe suốt 10 năm thì bà đã thành công. Không những bà thuộc lòng kinh văn, có thể ngay cả chú giải cũng thuộc lòng rồi, hiện nay thăng tòa giảng kinh bà ấy không cần đến kinh sách, cũng không cần tài liệu tham khảo, hơn nữa còn gì? Đụng đến liền thông. Giảng được hết sức viên mãn, thật sự khiến cho người ta khi nhìn thấy, bạn không thể không khâm phục bà. Bà sinh sống trong một gia đình rất vất vả, điều kiện vật chất cực kỳ kém, nhưng có thể chịu khổ, chịu thương chịu khó, cả đời không tranh với người, không cầu nơi đời, bà đã thành công. Đây là một tấm gương tốt cho chúng ta, bà ấy bắt đầu từ năm 55 tuổi, tôi thấy các đồng học trong học viện Tịnh tông của chúng ta, đại khái vẫn chưa đến 55 tuổi, vẫn còn kịp. Nếu như đến 65 tuổi mà không có thành tựu gì, thế thì xong rồi, vấn đề đó liền nghiêm trọng.

Sau khi đã thành tựu, cần phải báo ân Phật, phải báo ân chúng sanh, báo ân như thế nào? *“Đi khắp mười phương, hành quyền phương tiện. Hai câu này trước hết là tán thán quyền đức của đại sĩ”*, những Bồ-tát này có phương tiện khéo léo. *“Đi khắp nghĩa là du hành và du hóa”*, du hành là tìm thầy hỏi đạo, khi bản thân vẫn chưa có thành tựu, nơi nào có cao nhân, có đại đức thì tìm đến thân cận, hướng về vị ấy thỉnh giáo, đây là du hành. Như Thích-ca Mâu-ni Phật năm xưa tại thế, 19 tuổi rời khỏi nhà, đó chính là du hành, đi tham học, đến năm 30 tuổi thì đã tham học 12 năm, cao tăng đại đức trong tôn giáo Ấn Độ, cao nhân trong giới học thuật đều thân cận qua, đức hạnh và học vấn đã thành tựu. Tuy thành tựu, vấn đề vẫn chưa được giải quyết, người thông thường họ sẽ dừng lại ở chỗ này. Thích-ca Mâu-ni Phật ngài không cam tâm, ngài không tình nguyện, ngài ở dưới cây tất-bát-la bên sông Hằng, hiện nay gọi là cây bồ-đề, nhập định ở nơi đó, buông xuống những gì đã học trong 12 năm, nhập vào thiền định sâu hơn, tứ thiền bát định đã học trước đây, lại nhập vào thiền định sâu hơn, cuối cùng thành tựu đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, đó là vào năm 30 tuổi. Sau khi kiến tánh, kiến tánh liền thành Phật, vậy thì không còn là du hành nữa, mà đó là du hóa, hóa là giáo hóa chúng sanh, sau khi chính mình thành tựu, nhất định phải thành tựu người khác. Thành tựu chính mình là để làm gì? Là để giáo hóa người khác. Cũng chính là điều nói trong tứ hoằng thệ nguyện, “chúng sanh vô biên thệ nguyện độ”, nguyện này phải thực hiện, không thể nói lời mà không giữ lời. Mười phương, cả đời lão nhân gia quả thực là du hóa, không có nơi chốn nhất định, thế nhưng học trò đối với ngài khâm phục đến cực điểm, ngài đi đến đâu thì học trò theo đến đó. Số lượng những học trò này theo ngài không hề ít! Trong kinh thường thấy là 1.255 người, một đoàn thể lớn như vậy. Tối đến nghỉ ngơi trong rừng cây, mỗi người tìm một gốc cây to, ngồi nhập định nghỉ ngơi ở dưới cây. Ban ngày cũng ở trong rừng cây mà giảng kinh dạy học, chỉ là ban ngày còn có một công khóa nữa, phải đi ra ngoài khát thực, ăn một bữa giữa ngày, ngủ một đêm dưới cây, cả đời trải qua đời sống như vậy. Cho nên ngài dạy chúng ta “lấy giới làm thầy, lấy khổ làm thầy”, ngài đã làm được, làm ra tám gương cho chúng ta thấy. Đúng là buông xuống vạn duyên, trong tâm không có tạp niệm, không có vọng tưởng, như vậy mới có thể thành tựu.

“Mười phương là bốn phương Đông Tây Nam Bắc”, tiếp theo là *“Đông Nam, Tây Nam, Đông Bắc, Tây Bắc”*, đây là tứ duy, đây gọi là tám phương, cộng thêm phương trên, phương dưới, đây gọi là mười phương. *“Chính là biểu thị hết thảy nơi chốn trong không gian”*, Phật môn thường nói mười phương ba thời, mười phương

chính là không gian mà hiện nay chúng ta thường nói, ba thời là thời gian mà chúng ta hiện nay thường nói, dùng mười phương và ba thời để bao gồm toàn bộ phạm vi hoạt động. “*Đi khắp mười phương, biểu thị đại sĩ thần thông du hí, tự tại du hành, hóa độ hết thảy chúng sanh trong mười phương thế giới.*” Sau khi kiến tánh sẽ có năng lực này, sau khi kiến tánh, sáu thứ thần thông đều đầy đủ; đầy đủ, là viên mãn đã nói ở phía trước. Sau khi kiến tánh, vọng tưởng phân biệt chấp trước đều đoạn hết, toàn bộ không còn nữa, thời gian và không gian ở trong cảnh giới của các ngài cũng không còn nữa. Thời gian không còn nữa, con người có thể trở về quá khứ, cũng có thể tiến vào vị lai. Bạn thấy những Bồ-tát này có bản lãnh, có thể giáo hóa chúng sanh trong quá khứ, cũng có thể giáo hóa chúng sanh đời vị lai, các ngài có năng lực này, những năng lực này là gì? Bản năng. Năng lực này từ đâu mà đến? Vốn dĩ đã có sẵn. Đại sư Huệ Năng khi khai ngộ đã nói cho chúng ta biết, ngài nói “nào ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ”. Loại trí tuệ và đức năng này, sáu loại thần thông là thuộc về đức năng. Tướng hảo, tướng hảo thì giống như trong phẩm Phổ Môn nói, nên dùng thân gì để độ được thì ngài liền hiện thân đó, ngài có thể hiện vô lượng vô biên thân, chúng sanh ưa thích thân gì thì các ngài liền có thể hiện thân đó, thiên biến vạn hóa. Cho nên hóa độ hết thảy chúng sanh trong mười phương thế giới, ngài không có chướng ngại.

“*Hành quyền phương tiện, quyền là đối với thật mà nói*”, thật là chân thật, quyền là quyền biến, chân thật là thể, là tự tánh, tánh thể, quyền là khởi dụng, từ thể khởi dụng. Từ thể khởi dụng không phải là chính mình có suy nghĩ, điều này quý vị phải hiểu được, chư Phật Bồ-tát và Pháp thân đại sĩ ứng hóa ở thế gian, bất luận là đường nào trong lục đạo cũng chưa từng khởi tâm động niệm. Như Thích-ca Mâu-ni Phật cũng là như vậy, ngài ứng hóa ở thế gian chưa từng khởi tâm động niệm. Không khởi tâm động niệm, vậy làm sao ngài có thể hiện tướng? Làm sao ngài có thể thuyết pháp cho được? Đây chính là hành quyền phương tiện của ngài. Chúng ta xem thấy hình tướng của Phật, bản thân Phật không chấp tướng; chúng ta nghe thấy Phật thuyết pháp, trên thực tế Phật hoàn toàn chưa từng thuyết pháp. Cho nên trong kinh Bát-nhã nói, nếu ai nói ngài giảng kinh thuyết pháp thì đó gọi là phỉ báng Phật. Không nói mà nói, nói mà không nói, ngài thật sự là không nói, tại sao ngài lại nói? Chúng sanh có cảm, ngài phản ứng tự nhiên, sự ứng này là pháp vốn như vậy. Sự việc này, từng có người hỏi qua Phật-đà, trong các đệ tử của Phật thì Xá-lợi-phất là trí tuệ đệ nhất, có người hướng về Phật thỉnh giáo, trí tuệ của Xá-lợi-phất từ đâu mà có? Tại sao có trí tuệ lớn như vậy? Phật dùng cái trống làm ví dụ, trống thì mọi người đều thấy qua,

nhạc khí cổ xưa, ngài nói: cái trống thì các ông có biết không? Dạ biết. Trong bụng của trống có đồ vật gì không? Không có, trống rỗng, chỉ có hai mặt da bọc lấy một khoảng trống không. Phật nói: tâm của Xá-lợi-phất giống như cái trống, bên trong thứ gì cũng không có, thế nhưng bạn gõ vào nó, gõ mạnh thì kêu to, gõ nhẹ thì kêu nhỏ, không gõ thì không kêu, bất luận bạn hỏi ngài vấn đề gì, ngài đều đối đáp lưu loát. Ngài có dấy lên một niệm nào không? Không có. Cho nên thật sự gọi là nói mà không nói, cái nói đó là ứng. Ngài không có khởi tâm động niệm, ngài không có phân biệt chấp trước, vậy ngài nói gì đây! Cùng một đạo lý, Thích-ca Mâu-ni Phật giảng kinh thuyết pháp 49 năm, có nói hay không? Một chữ cũng không nói. Chúng ta thì có nói, tại vì sao? Khởi tâm động niệm, suy nghĩ lời nói này nên nói theo cách nào, vậy thì có nói rồi. Người ta không khởi tâm, không động niệm, ngài làm sao có thể thuyết pháp? Cho nên nói là không nói mà nói. Phàm phu chúng ta không biết nghe, người biết nghe sẽ nghe thế nào? Nghe mà không nghe, không nghe mà nghe, đó chính là biết rồi, hoàn toàn đối ứng với Phật. Cho nên chúng ta nghe Phật thuyết pháp, thường luôn hiểu sai ý của Phật, là ý của chính mình, không phải là ý của Phật. Cho nên “nguyên hiểu nghĩa chân thật của Như Lai”, rất không dễ dàng làm được. Quyền và thật chúng ta phải hiểu, chúng được thật thì mới có quyền, chưa chúng được thật thì chúng ta không có phương tiện khéo léo, chúng ta có phương tiện, trong đó không có khéo léo.

“*Quyền mang ý nghĩa là quyền nghi và quyền biến*”, chữ quyền này có hai ý nghĩa, quyền nghi và quyền biến. “*Người đời gọi là thông quyền đạt biến*”, theo cách nói của người hiện nay, thông minh trí tuệ của người này có thể tùy cơ ứng biến, chính là nói đến loại người này. Thông quyền đạt biến là tùy cơ ứng biến, năng lực của ứng biến hết sức mạnh mẽ. Những vị Bồ-tát này, ứng biến của các ngài là đến mức rốt ráo viên mãn, cũng là một câu nói của người xưa, “lấy bất biến ứng vạn biến”, các ngài đã làm được, các ngài thật sự là bất biến, có thể ứng phó vô lượng vô biên biến hóa. Điều này chúng ta không có cách nào học theo được, mặc dù không học được, nếu như chúng ta thông qua những phương pháp giới định tuệ để tu học, đến một ngày nào đó chúng ta cũng có thể đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, toàn bộ năng lực trí tuệ này liền xuất hiện, không cần phải học, thấy đều xuất hiện. Tại sao vậy? Trong tự tánh vốn dĩ đầy đủ, đầy đủ trí tuệ, trong trí tuệ có thật trí và quyền trí, đầy đủ thần thông, đầy đủ tướng hảo. “*Quyền cũng chính là tên gọi khác của phương tiện*”, cho nên phương tiện quyền xảo thường được nối liền với nhau, phương là phương pháp, tiện là tiện nghi, tiện nghi chính là phương pháp thích hợp nhất.

Phương pháp thích hợp nhất thì không có nhất định, do người, do việc, do thời gian và do địa điểm khác nhau, vận dụng xảo diệu như thế, thì gọi là pháp phương tiện. Cho nên nó là tên gọi khác của phương tiện.

“*Sách Pháp Hoa Văn Cú viết*”, bộ sách này là trước tác của đại sư Trí Giả, ngài giải thích cho chúng ta, “*phương là pháp*”, phương là phương pháp, “*tiện là dụng*”, dùng được rất trôi chảy mà không có chướng ngại. “*Nói cạn thì phương là phương pháp, tiện là tiện lợi. Xét theo nghĩa Phật giáo, thì như kinh Đại Tập nói*”, đây là Phật-đà đã nói trong kinh, “*có thể điều chúng sanh, đều khiến họ hướng về A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề, thì gọi là phương tiện*”. Ý nghĩa này sâu, bạn có thể điều chúng sanh, điều tức là điều giáo, người Trung Quốc thường ghép chữ điều này với chữ giáo, giáo nghĩa là dạy học, điều giáo chúng sanh cần phải có trí tuệ, phải có phương pháp. Chúng sanh rất dễ dàng tiếp nhận, cũng có thể hiểu được rất tường tận, vui vẻ y giáo phụng hành, họ sẽ thành công. Phật ở đây nói cho chúng ta biết mục tiêu này, có thể nói đây là tôn chỉ dạy học của Phật pháp. Nếu như có người muốn hỏi chúng ta, Phật giáo là dạy điều gì? Tôn chỉ của ngàn kinh muôn luận là tương đồng, bất luận là Hiền giáo, Mật giáo, Đại thừa, Tiểu thừa, Tông môn, Giáo hạ, đều là một mục tiêu này, tức là A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề, quý vị cần phải biết. Câu nói này là dịch âm tiếng Phạn, có thể dịch sang nghĩa Trung Quốc, tại sao không dịch? Gọi là tôn trọng nên không dịch, nó là phương hướng chung, mục tiêu chung mà Thích-ca Mâu-ni Phật dạy mọi người, điều này quá quan trọng, giữ nguyên âm Phạn, gọi là tôn trọng nên không dịch. Dịch sang nghĩa Trung Quốc thì lại rất đơn giản, là sáu chữ “Vô thượng chánh đẳng chánh giác”, a dịch là vô, nậu-đa-la dịch là thượng, tam dịch là chánh, miệu dịch là đẳng, chữ tam kế tiếp cũng là chánh, bồ-đề là giác, bạn xem hợp lại sẽ là Vô thượng chánh đẳng chánh giác, Phật pháp chính là thứ này.

Trong đây có ba sự việc, nói từ phía sau thì điều thứ nhất là Chánh giác, Tam-bồ-đề, người nào đạt được? A-la-hán đã đạt được. Các ngài đạt được bằng cách nào? Kiến tư phiền não đoạn rồi, đã đoạn kiến tư phiền não thì liền chứng Tam-bồ-đề, Chánh giác này gọi là A-la-hán. Lại nâng cao lên một cấp bậc nữa, là Chánh đẳng chánh giác chính là Tam-miệu tam-bồ-đề, Bồ-tát chứng được, cao hơn A-la-hán, là Chánh đẳng. Các ngài làm sao chứng được? Bồ-tát không những đoạn được kiến tư phiền não, mà trần sa cũng đã đoạn, vô minh cũng phá một phẩm, như vậy mới có thể chứng được Chánh đẳng chánh giác, đẳng là bằng với Phật, nhưng vẫn chưa đạt

đến Phật, còn kém một cấp bậc. Địa vị cao nhất là Vô thượng chánh đẳng chánh giác, là điều mà Phật chứng được, đây là vọng tưởng phân biệt chấp trước thấy đều buông xuống, toàn bộ vô thi vô minh, trần sa phiền não và kiến tư phiền não mà trong giáo pháp Đại thừa thường nói đều đoạn sạch, trở về tự tánh, minh tâm kiến tánh, đây mới là lìa khổ được vui. Bạn xem A-la-hán chứng được Chánh giác, khổ của lục đạo ngài đã thoát khỏi rồi, ngài không còn luân hồi trong lục đạo nữa, ngài vào pháp giới tứ thánh, Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát và Phật. Chứng đắc Chánh đẳng chánh giác, đây là pháp giới Phật trong pháp giới tứ thánh. Cái khổ trong pháp giới tứ thánh, phía dưới đã rời khỏi rồi, Thanh văn và Duyên giác đã rời khỏi, Bồ-tát và Phật vẫn còn thọ nhận, các ngài vẫn còn khởi tâm động niệm. Khởi tâm động niệm là vô thi vô minh, công phu còn phải tiếp tục nâng cao lên, nâng cao tới mức không khởi tâm, không động niệm, đó chính là thật sự an trụ rồi, không khởi tâm, không động niệm, lúc này chứng đắc Vô thượng chánh đẳng chánh giác, đây chính là thành Phật, cái khổ trong mười pháp giới vĩnh viễn thoát khỏi, lìa khổ được vui, có cấp bậc, có cấp độ, thật sự đã lìa khổ. Mười pháp giới đều nói là thế gian, thật sự xuất thế gian là phải vượt thoát mười pháp giới thì mới thật sự là xuất thế gian, hết thấy khổ của thế gian vĩnh viễn thoát khỏi rồi, lìa khổ được vui. Không phải như chúng ta hiện nay, không có cái ăn, tặng một chút thức ăn, thì chúng ta lìa khổ được vui; không có cái mặc, tặng một ít quần áo mặc, không phải là việc này, việc này quá nhỏ. Những việc này Phật cũng dạy cho chúng ta, để chúng ta tự mình xử lý, cái khổ vui lớn thì Phật Bồ-tát đến giúp chúng ta xử lý, việc nhỏ thì tự mình lo liệu.

Thế gian này, phần trước chúng ta đã nói rất nhiều, cầu của cải được của cải, cầu thông minh trí tuệ được thông minh trí tuệ, cầu sống lâu được sống lâu, không có gì mà bạn không cầu được, chỉ cần bạn dựa theo đạo lý và phương pháp mà Phật đã dạy để cầu, có cầu ắt ứng. Thế nhưng chúng ta có khi cầu không ứng, đó là việc thế nào? Những cách này đều là tôi vào năm hai mươi mấy tuổi học được từ đại sư Chương Gia, lão nhân gia ngài rất từ bi, thường xuyên dạy tôi. Khi bạn cầu mà không có cảm ứng, thầy nói không phải là không có cảm ứng, mà là do bản thân bạn có nghiệp chướng, đã chướng ngại lại mất cái cảm ứng này; nếu đem nghiệp chướng sám trừ, thì cảm ứng liền hiện tiền, không phải không có cảm ứng. Tôi hướng về thầy thỉnh giáo, nghiệp chướng này trừ bỏ bằng cách nào? Ngài bảo với tôi là sám hối. Nói đến sám hối, đại sư nói với tôi, “Phật pháp trọng thực chất chứ không trọng hình thức”, dạy tôi pháp môn này, sám hối trên mặt hình thức không quan trọng, phải là từ thực chất, thực chất là gì? Thực chất là sau không làm nữa. Ta biết được chính

mình đã làm sai, ta cũng hiểu rồi, chính là điều mà người Trung Quốc nói “không phạm lỗi lần hai”, đó là chân thật sám hối, không nằm ở hình thức. Học trò của Không phụ tử, chỉ có một người không phạm lỗi lần hai, Phụ tử thường hay tán thán là Nhan Hồi. Có thể thấy người khác đều không làm được, đều vẫn thường phạm lỗi lầm, chỉ có một mình Nhan Hồi rất tài giỏi, ngài làm được không phạm lỗi lần hai. Cho nên thầy nói cho tôi biết, sám trừ nghiệp chướng, rồi sau đó có cầu ắt ứng. Thế là chúng ta liền sáng tỏ, nếu chúng ta cầu tài, cầu trí tuệ, đều là tự tư tự lợi mà cầu, sợ rằng đều không có cảm ứng; nếu chúng ta cầu tài, cầu trí tuệ là để phục vụ chúng sanh, giúp đỡ những chúng sanh khổ nạn trong xã hội này, vậy sẽ có cảm ứng. Bạn xem, không vì bản thân thì mới được, tại vì sao? Đạo lý này chúng ta có thể nghĩ thông suốt, không phải là rất sâu. Nếu như nói là vì tự tư tự lợi mà đi cầu Phật Bồ-tát đều có cảm ứng, vậy thì Phật Bồ-tát chẳng phải là khuyến khích tự tư tự lợi của chúng ta hay sao? Chẳng phải là dạy chúng ta làm sai tạo ác hay sao? Làm gì có Phật Bồ-tát như vậy? Yêu ma quỷ quái mới làm việc này, Phật Bồ-tát không làm như vậy. Phật Bồ-tát chắc chắn muốn tâm hạnh của chúng ta phải tiếp cận với các ngài, đồng tâm, đồng nguyện, đồng giải, đồng hạnh với chư Phật Bồ-tát, vậy thì chắc chắn có cảm ứng, không có chuyện không có cảm ứng. Cho nên câu nói này trong kinh Đại Tập có ý nghĩa rất sâu, chỉ ra phương hướng chung và mục tiêu chung trong việc tu học Phật pháp.

“Lại như sách Pháp Hoa Huyền Tán nói: Hành vi có thể làm khuôn phép gọi là phương, khéo hợp với căn cơ gọi là tiện.” Chữ phương này ý nghĩa giảng rất sâu, hành vi, hành vi này là bố thí, giúp đỡ người khác. Có thể làm khuôn phép, tiêu chuẩn của câu này cao, những gì chúng ta làm, có thể làm ra tấm gương tốt cho đại chúng trong xã hội, đây gọi là phương. Ý nghĩa này chính là [tôn chỉ của] trường đại học sư phạm Bắc Kinh, hình như là phía trước đại lễ đường có một tấm bảng, trên đó viết tám chữ, tám chữ này là *“học vi nhân sư, thân vi thế phạm”* (học làm thầy người, hành vi làm mô phạm cho đời), đó chính là hành vi có thể làm khuôn phép. Hôm đó tôi đến trường tham quan, phó hiệu trưởng của họ tháp tùng tôi, tôi thấy được tám chữ này, tôi thưa với hiệu trưởng, tôi nói: “Hiệu trưởng à, tám chữ này chính là kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm trong Phật giáo.” Ông ấy vừa nghe nói liền sửng sốt, “trong kinh Hoa Nghiêm nói điều này sao?” “Đúng vậy, không sai, toàn bộ kinh Hoa Nghiêm chính là giảng tám chữ này.” Tôi đã sửa nó một chữ, nó vốn là thân vi thế phạm, tôi đổi chữ “thân” thành “hành”, hành có ý nghĩa rộng hơn thân. Nhà trường cũng tiếp nhận, sau đó nhà trường sửa lại thành “hành vi thế phạm”,

chính là ý nghĩa của phương. “Khéo hợp với căn cơ”, phương tiện khéo léo có thể khiến cho người tiếp nhận đều sanh tâm hoan hỷ, đây gọi là “khéo hợp với căn cơ”, đây gọi là tiện. Có thể thấy được ý nghĩa của cách giải thích này, sâu hơn ý nghĩa trong Pháp Hoa Văn Cú, cả hai đều nói đúng, đều không có nói sai.

“*Hơn nữa Tịnh Ảnh Sớ nói*”, Tịnh Ảnh Sớ là chú giải kinh Vô Lượng Thọ, sách nói “*hoá hành khéo léo, tùy theo căn cơ của chúng sanh mà thị hiện đủ loại khác nhau, gọi là quyền phương tiện*”. Đây là giáo hóa chúng sanh, vô cùng thiện, vô cùng xảo diệu mà không có một pháp cố định, tùy theo căn cơ của chúng sanh, do người mà có khác biệt, do việc mà có khác biệt. Như trưởng lão Tế Công trong Phật môn ngày trước, Tế Công là người đời Tống, sống cùng thời đại với Nhạc Phi, thật sự có người này, cũng thật sự có việc này. Nhưng những gì được viết trong tiểu thuyết không đáng tin. Trong Cao Tăng Truyện có, tôi nhớ truyện ký của ngài đặc biệt phong phú, hình như có sáu quyển, truyện ký của người khác chỉ có một trang, hai trang, còn của ngài tới sáu quyển, trong Đại tạng kinh có. Đó là thị hiện đủ loại khác nhau, đại dụng vô phương, đây không phải là điều mà người bình thường có thể làm được, thật sự có thần thông, câu chuyện rất nhiều. Thế nhưng chúng ta trong thời cận đại, phát hiện thấy một người cũng là như vậy, trong thời kỳ kháng chiến, tên là Phật sống Kim Sơn, là một người xuất gia tại chùa Kim Sơn ở Nam Kinh. Pháp hiệu của ngài là Diệu Thiện, thế nhưng rất nhiều người trong thế gian không biết pháp danh của ngài, đều gọi ngài là Phật sống, gọi ngài là Phật sống Kim Sơn. Hành nghi cả đời của vị pháp sư này gần giống với Tế Công đời Tống, cũng là mang một đôi giày cỏ rách, mặc một chiếc trường sam, đại khái bên trong là một bộ quần áo ngắn, cả năm bốn mùa đều là dáng vẻ như vậy, quần áo từ trước đến nay cũng không giặt, quần áo cũng có chỗ rách, cũng rất bẩn thỉu nhưng ngài đều không bận tâm. Cả đời chưa từng tắm rửa, cổ áo đầy cái bẩn đen sì, thế nhưng bạn ngửi lại thấy có mùi thơm của hoa sen, hơn nữa còn có thể trị bệnh, bạn có chỗ nào không khoẻ trong người, bạn ngửi qua mùi đó của ngài thì bệnh liền khỏi, hết sức kỳ lạ. Lão nhân gia viên tịch tại Miến Điện, ngài sang Miến Điện giáo hóa chúng sanh, đã qua đời tại nơi này. Tín đồ ở nơi này đối với ngài hết sức cung kính, nhất định muốn ngài tắm rửa, tắm bằng cách xối nước, ngài liền vãng sanh trong khi đang tắm, đứng ở dưới nước mà vãng sanh, người thật việc thật.

Ở Đài Loan có hai người viết truyện ký về ngài, sự tích Phật sống Kim Sơn, một bản do pháp sư Chữ Vân viết, một bản là do pháp sư Lạc Quán viết. Pháp sư Lạc

Quán đã từng sống cùng với ngài bốn tháng, Lạc lão là bậc tiền bối của chúng tôi, từng nói với chúng tôi, ngài nói: Ngài ấy thật sự có thần thông, trong tâm chúng ta nghĩ việc gì thì ngài ấy đều biết, trong lúc nói đùa thì ngài ấy liền nói ra hết với bạn. Bất kỳ khởi tâm động niệm nào của chúng ta, đều không có cách nào che giấu ngài, ngài đều biết, ngài có tha tâm thông. Ít nhất là ngài có thiên nhãn thông, có thiên nhĩ thông, có tha tâm thông, ít nhất là ngài đều có những năng lực này. Có thần túc thông hay không? Không có bằng chứng rõ ràng, nhưng dường như là có, mọi người đang tụ họp tán gẫu bàn về Phật sống Kim Sơn, lời còn chưa nói xong thì ngài đã bước vào rồi. Thường xuyên có hiện tượng này, làm sao có thể trùng hợp đến vậy? Đây chính là thị hiện đủ loại khác nhau, đây là quyền phương tiện, đại khái đây là cảnh giới từ A-la-hán trở lên thì mới làm được. A-la-hán, A-la-hán có tứ quả, từ Sơ quả đã có rồi, Sơ quả là Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hoàn đoạn được 88 phẩm kiến hoặc trong tam giới, trong sáu loại bản năng thì có hai loại được khôi phục, chính là thiên nhãn và thiên nhĩ. Những gì mà người bình thường chúng ta không thấy được, họ thấy được; người bình thường chúng ta không nghe thấy, họ nghe thấy, họ có năng lực này. Chúng ta giảng kinh trên tầng lầu này, họ nhìn xuống phía dưới, người ở mỗi tầng đang hoạt động ra sao thì họ đều tường tận, họ có thể trông thấy, không có chướng ngại. Nếu chứng đến Nhị quả, năng lực của họ sẽ càng lớn hơn, Nhị quả có tha tâm thông, có túc mạng thông, trong tâm người khác nghĩ việc gì thì họ đều biết. Đến Tam quả liền có thần túc thông, liền có thể biến hóa, có thể phân thân, những bậc thánh Tiểu thừa này có thể thị hiện. Trong Đại thừa, giống như trong kinh Hoa Nghiêm của Viên giáo nói, Bồ-tát địa vị Sơ tín, năng lực lục thông của họ hoàn toàn tương đồng với Tu-đà-hoàn. Bồ-tát Thất tín thì đoạn phiền não, nếu chúng ta dùng cấp bậc hiện nay mà nói, thì ngài tương đương A-la-hán, A-la-hán của Tiểu thừa. Bát tín, khi đó tương đương với Bích-chi Phật; Cửu tín là Bồ-tát, địa vị Bồ-tát trong mười pháp giới; Thập tín, là địa vị Phật trong mười pháp giới, ở phẩm vị đó thì thần thông biến hóa là rất lớn. Đây là điều mà người bình thường chúng ta không thể làm được, họ có thể làm được.

“*Tổng hợp các kinh luận trên*”, chúng ta tổng hợp những điều đã giảng trong kinh luận ở phía trước, “*vì vậy biết rằng dùng phương pháp thiện xảo, ôn hòa thích hợp*”, tức là dùng những phương pháp khéo léo, thích đáng, thuận tiện, “*khéo khéo hợp căn cơ của chúng sanh*”, khéo chính là ý nghĩa của thiện, phương pháp mà các ngài sử dụng, dùng được quá xảo diệu, quá tốt đẹp, khiến cho những chúng sanh sau khi tiếp xúc đều sanh tâm hoan hỷ, lại có thể giác ngộ, có thể phá mê giác ngộ sanh

tâm hoan hỷ. “*Dẫn đến quả giác cứu cánh*”, quả giác cứu cánh này, chính là A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề đã nói ở phía trước, đây là quả giác cứu cánh. Cho nên từ chỗ này, chúng ta liền sáng tỏ ngay, cái gì gọi là Phật pháp? Ngàn kinh muôn luận, vô lượng pháp môn, khẳng định mục tiêu đó là Vô thượng chánh đẳng chánh giác, đây chính là Phật pháp. Nếu như mục tiêu của họ là Chánh giác, đây là A-la-hán của Tiểu thừa; nếu như mục tiêu của họ là Chánh đẳng chánh giác, đây là Bồ-tát, đây là Đại thừa; nếu như mục tiêu là Vô thượng chánh đẳng chánh giác, đây là pháp Nhất thừa, đây là Phật quả cứu cánh viên mãn. Nếu như chúng ta làm rõ ràng, làm sáng tỏ sự việc này, kinh Vô Lượng Thọ ấy đi theo con đường nào? Thẳng thắn dứt khoát dạy chúng ta thành tựu Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Trong hết thảy các kinh thì nó thuộc về kinh Nhất thừa, kinh Nhất thừa không có nhiều bộ, ở Trung Quốc ngoài bộ kinh này ra, Hoa Nghiêm là Nhất thừa, Pháp Hoa là Nhất thừa. Phạm Võng mặc dù là Nhất thừa, nhưng chưa được dịch đầy đủ sang chữ Trung Quốc, đến Trung Quốc chỉ có phẩm Bồ-tát Tâm Địa Giới, chỉ có một phẩm. Cho nên mục tiêu của kinh này là Vô thượng chánh đẳng chánh giác, pháp môn này của chúng ta, Phật ở đây dạy chúng ta, niệm Phật vãng sanh bất thoái thành Phật, “*gọi là hành quyền hoặc hành phương tiện*”, ý nghĩa của phần tổng kết này, đã giải thích viên mãn về hành quyền phương tiện.

Tiếp theo là: “*Nhập Pháp tạng của Phật, rót ráo đến bờ kia. Chữ nhập, Gia Tường Sớ giải thích: lý giải kế hội đến nguồn cội của tông chỉ*”, nguồn cội của tông chỉ là gì? Tông chỉ là chủ yếu, là quan trọng, nguồn cội là căn nguyên. Chúng ta liền hiểu được nguồn cội của tông chỉ là tự tánh, hết thảy pháp không rời tự tánh, trong tự tánh, Thế Tôn đã quy nạp những công đức vô lượng vô tận này thành ba loại lớn, thứ nhất là trí tuệ, thứ hai là đức năng, thứ ba là tướng hảo. Trí tuệ là thông đạt sáng tỏ, hết thảy pháp thế gian và xuất thế gian thật sự gọi là không gì không biết; đức năng là thần thông, phương tiện khéo léo, không gì không thể; trong tướng hảo có vật chất, có tinh thần, tướng hảo viên mãn. Trong cõi Thật báo, Thế Tôn đã giới thiệu cho chúng ta, “thân có vô lượng tướng, tướng có vô lượng vẻ đẹp”. Không giống như Thích-ca Mâu-ni Phật xuất hiện ở thế giới của chúng ta, thị hiện thân tướng giống như chúng ta, 32 tướng 80 vẻ đẹp, đây là *liệt ứng thân*¹ mà trong kinh thường nói.

¹ Liệt ứng thân: còn gọi là *trượng lực thân Phật, liệt ứng trượng lực thân Phật*. Thân 1 trượng 6 mà đức Phật thị hiện, ứng hóa cho hàng phàm phu, Nhị thừa và Bồ tát trước Thập địa thấy được, là một trong hai ứng thân ở cõi Phàm thánh đồng cư.

Khi thị hiện trong lục đạo, nhất định phải thị hiện thân tương đồng, nếu thị hiện khác biệt quá lớn thì người bình thường không dám tin tưởng, phải thị hiện thân giống như vậy nhưng đẹp hơn một chút, vậy mọi người mới tin tưởng. Phật ở trên trời thị hiện thân người trời, ở nhân gian thì thị hiện thân người, ở trong cõi súc sanh thì thị hiện thân súc sanh, nếu muốn độ loại chúng sanh nào, trước hết phải hiện thân giống như họ. Nếu như muốn độ kiến, ngài cũng hiện thân kiến, bạn không hiện thân đó thì bạn làm sao có thể ở cùng với chúng? Ở cùng với chúng thì mới có cách dạy chúng, cho nên thị hiện thân đồng loại.

Lý giải khế hội đến nguồn cội của tông chỉ, đây là nói về chữ nhập trong “nhập Pháp tạng của Phật”, chúng ta đã rõ ràng, đã lý giải, là tương ưng với tánh đức. Nói cách khác, tương ưng với trí tuệ chân thật, chứ không phải tương ưng với thường thức, không phải tương ưng với học thuật. Người thời nay nói về học thuật và tri thức, không nói tới trí tuệ, nói tới tri thức, tương ưng với tri thức thì không được, đó là pháp thế gian, đó không phải là pháp xuất thế gian. Tại sao phải nói theo cách như vậy? Bốn chữ này ý nghĩa rất sâu, quả thật vào thời cận đại, có rất nhiều người đã đem kinh điển của Phật xem như là một loại học thuật để nghiên cứu, nó bị biến chất rồi, nó biến thành tri thức, tri thức của Phật giáo. Ở những nơi nào? Ở trường đại học, rất nhiều trường đại học dùng kinh điển để mở môn học, những trường nổi tiếng nhất châu Âu như Đại học Oxford, Đại học Cambridge, Đại học London đều có khoa Hán học, sinh viên trong khoa Hán học, bao gồm học viên cao học và nghiên cứu sinh tiến sĩ, đều cầm theo kinh Phật để viết luận văn. Họ có tương ưng hay không? Họ tương ưng, nhưng họ không phải là lý giải khế hội đến nguồn cội của tông chỉ, họ không phải vậy. Cho nên những gì họ học được đều là tri thức của Phật giáo, không phải là trí tuệ trong Phật pháp. Khi tôi đến viếng thăm, cũng có giảng cho họ hai tiết học, nhắc nhở họ, học Phật thì phải học theo đường lối của tổ sư đại đức, có vậy mới thật sự được thọ dụng. Đi theo con đường học thuật cũng hữu dụng, giống như có thể lấy được học vị tiến sĩ, tương lai làm giáo sư khoa triết học hoặc khoa Phật học, làm một nhà Hán học, cái này đều có thể làm được. Nếu muốn chúng quả Tu-đà-hoàn thì không có phần, muốn vãng sanh cũng không có phần, đây chính là Phật giáo của học thuật. Phật giáo của Thích-ca Mâu-ni Phật là Phật giáo của giáo dục, điều này phải hiểu, nó không phải là học thuật. Những năm đầu Dân quốc, đại sư Âu Dương nói rất hay, Phật pháp không phải là triết học, Phật pháp không phải là tôn giáo, mà là điều người thời nay không thể thiếu. Tại sao? Nó thật sự giải quyết được vấn đề, giúp chúng ta hóa giải xung đột, giúp chúng ta khôi phục sự an định

hòa bình của xã hội, Phật pháp làm được. Nó giúp chúng ta thoát khỏi lục đạo luân hồi, giúp chúng ta vãng sanh thế giới Cực Lạc, trong một đời chứng đắc Vô thượng chánh đẳng chánh giác cứu cánh viên mãn, nó có thể làm được. Lý giải khế hội đến nguồn cội của tông chỉ vô cùng quan trọng.

“Tịnh Ảnh Sớ nói: chứng hội gọi là nhập. Có thể thấy chữ nhập có nghĩa là khế hội chứng nhập.” Chữ hội (hiếu) này ý nghĩa rất sâu, bạn xem trong ngữ lục Thiền tông, người thầy dạy học trò thường có một câu khẩu đầu thiền được nói đến nhiều nhất, hẳn thấy học trò liền hỏi họ, “anh hiếu chưa?” Câu nói này có ý nghĩa sâu xa, cái gì là hiếu? Khế nhập chính là hiếu, nếu bạn chưa khế nhập thì bạn chưa hiếu. Khế nhập chính là lý giải khế hội đến nguồn cội của tông chỉ như đã nói ở trước, bạn mới thật sự hiếu! Không phải ở trên văn tự, mà là từ văn tự, từ lời nói, bạn đang xem kinh, bạn đang nghe giảng thì khế nhập tự tánh, chúng ta thường nói là khai ngộ, xem kinh khai ngộ, nghe giảng khai ngộ, đó gọi là nhập. Chưa ngộ nhập thì không tính, thật sự ngộ nhập thì đây gọi là nhập, cho nên ý nghĩa của chữ nhập này là khế hội chứng nhập. *“Cũng chính là chữ nhập trong nhập tri kiến Phật của kinh Pháp Hoa.”* Nhập này là chứng, nhập này là khế nhập, Phật tri Phật kiến chính là trí tuệ bát-nhã của tự tánh. Thiền tông nói đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, là nói điều này, nói về sự việc này; trong Giáo hạ nói đại khai viên giải, cũng là chỉ cho sự việc này. Người niệm Phật chúng ta gọi là lý nhất tâm bất loạn, nhất tâm bất loạn có sự nhất tâm bất loạn và lý nhất tâm bất loạn. Lý nhất tâm bất loạn chính là nhập tri kiến Phật, cùng một cảnh giới với minh tâm kiến tánh của Thiền tông, trong Giáo hạ nói đại khai viên giải là tương đồng, cấp độ như nhau. Sự nhất tâm là thuộc về giải ngộ, đó không phải là chứng, cho nên sự nhất tâm bất loạn sanh về thế giới Cực Lạc, là sanh cõi Phương tiện hữu dư, tương đương với pháp giới tứ thánh trong thế giới này của chúng ta. Nếu là lý nhất tâm sẽ sanh cõi Thật báo trang nghiêm, đó thì khác nhau, đó là thành Phật rồi. Cho nên sự nhất tâm vẫn là Bồ-tát, chưa phải là địa vị Phật, sự nhất tâm cũng có ba bậc chín phẩm, trung hạ phẩm là địa vị của A-la-hán Tiểu thừa, trung thượng phẩm là Bồ-tát. Đây là chúng ta từ trên giáo lý mà xem, thế giới tây phương Cực Lạc có bốn cõi ba bậc chín phẩm, nhưng trên thực tế chúng ta phải hiểu rõ, hoàn cảnh tu học của nơi đó hết sức đặc biệt, người bình thường chúng ta không có cách nào tưởng tượng. Đó là gì? Hoàn toàn đắc lực nhờ vào oai thần bổn nguyện của A-di-đà Phật gia trì, cho nên họ thấy đều là Bồ-tát A-duy-việt-trí. Đây cũng chính là lý do vì sao nói Tịnh tông là pháp khó tin, nguyên nhân là ở chỗ này, thật sự là pháp khó tin.

Nhập pháp tạng của Phật, tiếp theo sẽ giải thích pháp tạng của Phật. “*Pháp tạng của Phật, Gia Tường Sớ nói: gọi lý là tạng*”, đây là trước tiên giải thích ý nghĩa của chữ tạng. “*Bởi vì nói rằng pháp tạng của Phật là lý thể của pháp tánh. Pháp tánh hàm chứa vô lượng tánh đức, nên gọi là pháp tạng của Phật.*” Nhập pháp tạng của Phật, trên thực tế chính là minh tâm kiến tánh, minh tâm kiến tánh chính là nhập pháp tạng của Phật. Chúng ta niệm Phật, một ngày nào đó niệm đến mức lý nhất tâm bất loạn chính là nhập pháp tạng của Phật, chính là minh tâm kiến tánh. Cho nên sự giải thích ở đây cũng giải thích được rất hay, rất rõ ràng, gọi lý là tạng, tạng có nghĩa là hàm chứa. Pháp tạng của Phật chính là lý thể của pháp tánh, dùng chữ tạng này, tạng có ý nghĩa là hàm chứa, giống như một kho dữ liệu, lấy thí dụ này. Pháp tánh chính là cái chân thật, thật sự hàm chứa vô lượng tánh đức, đây là vô lượng thật sự. Tự tánh là mỗi người đều tương đồng, trong triết học gọi là bản thể của vũ trụ vạn hữu, nó có thể sanh, có thể hiện, a-lại-da là có thể biến, a-lại-da cũng không rời khỏi pháp tạng của Phật, rời khỏi pháp tạng của Phật thì không có a-lại-da. Pháp tạng của Phật ví như nước, a-lại-da ví như sóng, rời khỏi nước thì lấy đâu ra sóng? Cho nên bản thể của sóng là nước, vạn sự vạn vật trong khắp pháp giới hư không giới có cùng một bản thể. Cho nên kinh Phật, tổ sư đại đức thường hay nói cho chúng ta biết, khắp pháp giới hư không giới với chúng ta là một thể. Bạn xem chúng ta thường nghe thấy, trong kinh nói “sanh Phật không hai”, sanh là chúng sanh, Phật là chư Phật Như Lai, đem chúng sanh nói ở phía trước, Phật nói ở sau cùng. Đây là gì? Tôn trọng đối với chúng sanh, tôn kính đối với chúng sanh, Phật tôn trọng. Tại sao vậy? Chúng sanh là Phật chưa giác ngộ, Phật là chúng sanh đã giác ngộ rồi. Phật chưa giác ngộ là vị Phật hồ đồ, họ không biết tôn trọng người khác; chúng sanh giác ngộ rồi thì họ đối với bất cứ điều gì cũng đều tôn trọng, chúng sanh giác ngộ chính là Phật. Lại nói “tự tha không hai”, tự là chính mình, tha là gì? Tức là trên đến chư Phật, dưới đến chúng sanh địa ngục, là một chứ không phải hai. Lão tử của Trung Quốc chúng ta cũng từng nói lời này, “trời đất và ta cùng một gốc, vạn vật với ta là một thể”, ý nghĩa hoàn toàn tương đồng với lời Phật dạy.

Hiện nay chúng ta rất muốn lắng nghe các nhà vật lý học lượng tử hiện đại, nghe xem những phát hiện từ nghiên cứu của họ, để họ đến chứng minh những điều được nói trong Phật pháp là thật, không phải là giả. Con người tại sao phải yêu thương người? Một thể. Chúng ta là một thân thể, tại sao ta phải yêu thương ngón tay này? Tại sao ta phải yêu thương sợi lông tơ này? Nó và ta là một thể, chính là đạo lý như vậy. Pháp thể gian và xuất thể gian không có ranh giới, khác biệt ở chỗ nào? Chính

là mê hay ngộ, mê rồi thì gọi là pháp thế gian, giác ngộ rồi thì gọi là pháp xuất thế gian. Xuất thế gian gọi là Phật pháp, giác ngộ rồi thì là Phật pháp, chưa giác ngộ gọi là chúng sanh pháp, nó là một chứ không phải hai. Cho nên trong Pháp tánh chân thật, Pháp tánh chính là tự tánh, bao hàm vô lượng tánh đức. Vô lượng tánh đức, người giác ngộ muốn giúp chúng ta giác ngộ, giúp chúng ta giác ngộ lại chẳng phải đơn giản như vậy, tại sao vậy? Chúng ta đối với họ chưa chắc đã tin tưởng, không có lòng tin đối với họ, không tôn trọng như vậy đối với họ, cho nên không dễ dạy. Thế nhưng những khó khăn trước mắt, chỉ cần lấy ra một chút tánh đức liền có thể giải quyết, rễ của tánh đức là gì? Người Trung Quốc nói về hiếu, câu đầu tiên trong ngũ luân là cha con có tình thân, đó là cội nguồn của tánh đức. Tánh đức, tánh đức vô lượng vô biên, thấy đều từ cội nguồn này mà lưu lộ ra. Trong Phật pháp gọi là từ bi, trong nhiều tôn giáo khác gọi là yêu thương, cái yêu thương đó cùng với từ bi của Phật pháp, và chữ tình thân trong cha con có tình thân của ngũ luân Trung Quốc có ý nghĩa hoàn toàn tương đồng, chẳng kèm theo bất cứ điều kiện nào, yêu thương vô điều kiện. Người Trung Quốc chúng ta đem tánh đức nói ra một cách đơn giản trong 12 chữ, 12 chữ này có thể giúp chúng ta cả đời trải qua rất hạnh phúc, trải qua rất vui vẻ, 12 chữ này là “hiếu để trung tín, lễ nghĩa liêm sỉ, nhân ái hòa bình”, là tánh đức! 12 chữ này có phải là vô lượng vô biên không? Đúng vậy. Chúng ta hãy nghĩ thử xem, thập thiện có 10 điều, thập đại nguyện vương cũng là 10 điều, khi Bồ-tát vừa mở rộng ra liền biến chúng thành 84.000 hạnh vi tế. 12 chữ này của Trung Quốc chúng ta, trong đạo Bồ-tát có phải cũng là 84.000 hạnh vi tế hay không? Tôi tin rằng chỉ có hơn chứ chẳng thể kém, nó là tánh đức.

Cho nên ngày nay làm sao chúng ta sử dụng được một chút tánh đức, làm sao để trong đời sống của chúng ta có thể dùng được một chút. Chúng ta chưa kiến tánh, song những người kiến tánh thì họ sáng tỏ, họ từ trong tự tánh mà biểu lộ ra. Nếu chúng ta chịu tin tưởng, chịu y giáo phụng hành thì cũng sẽ dùng được, người chưa kiến tánh cũng dùng được, đó chính là phải nghe theo giáo huấn của chư Phật Bồ-tát, giáo huấn của các bậc đại thánh đại hiền này. Cho nên chúng tôi thường nói, đây là thể hội học tập của chúng tôi bao nhiêu năm qua, những thứ này không phải do các ngài phát minh, không phải do các ngài sáng tạo, mà là lưu lộ của tự tánh. Vào thời xưa, chúng ta có lý do để tin tưởng, Phật Bồ-tát ứng hóa ở trên lãnh thổ Trung Quốc, khi đó căn tánh của những người này chẳng được lanh lợi như người Ấn Độ, căn cơ tương đối độn hơn, các ngài dùng những phương pháp này để dạy bảo chúng ta, là tánh đức tự nhiên lưu lộ, chúng ta phải tôn trọng. Người Ấn Độ căn cơ chín

muội, cho nên ứng hóa ở thế gian này, nên dùng thân Phật để độ được thì liền hiện thân Phật để giáo hóa, Phật hiện thân Phật ở Ấn Độ. Phật ở Trung Quốc thì hiện thân thành Không tử, Mạnh tử, Nghiêu Thuần Vũ Thang, hiện những thân người này, thân thánh hiền, đây chính là phương tiện khéo léo, đây chính là đại dụng vô phương. Chúng ta học với thánh hiền, học với Phật Bồ-tát, là học với ai? Là với tánh đức của chính mình, đạo lý này nhất định phải hiểu. Những người từng trải này, họ đem tánh đức hiện bày ra cho chúng ta thấy, những kinh luận, điển tịch này thấy đều từ trong tánh đức lưu lộ ra. Cho nên trong các đại kinh đại luận nói, “Phật pháp không người giảng, tuy trí chẳng thể hiểu”, người thông minh trí tuệ tuyệt đỉnh ở thế gian có thể hiểu được ý nghĩa trong kinh Phật hay không? Không thể hiểu. Nguyên nhân là gì? Nó là lưu lộ của tự tánh. Người nào có thể hiểu được? Người càng gần với tự tánh thì họ càng có thể lý giải. Làm sao để tiếp cận với tự tánh? Phải đem những thứ đối nghịch với tự tánh, những điều hư vọng này đều loại bỏ đi. Những thứ nào là đối nghịch? Lấy ví dụ của Trung Quốc để nói, thì bất hiếu, bất đễ, bất trung, bất tín, vô lễ, vô nghĩa, vô liêm, vô sỉ, đây là những thứ đối nghịch, điều này mọi người rất rõ, đây là gì? Tập khí phiền não từ vô thủy kiếp đến nay. Chúng ta có thể lìa xa những tập khí này, tẩy rửa sạch sẽ, tánh đức của chúng ta liền hiện tiền. Lại còn có thể không ngừng nâng cao hơn, chúng ta cũng có thể đạt tới cảnh giới thánh hiền, lại nâng cao hơn tới chỗ viên mãn, đó chính là cảnh giới Phật.

“Lại nữa, trong pháp tánh hàm nhiếp hết thảy Phật pháp, nên gọi là pháp tạng của Phật.” Đây là xét về mặt Phật pháp mà nói, đúng vậy, hết thảy Phật pháp đều là từ tự tánh sanh ra, rời khỏi tự tánh thì không có một pháp nào có thể được. Trong Hoàn Nguyên Quán đã nói về “thể tự tánh thanh tịnh viên minh”, chính là pháp tạng của Phật được nói ở đây. Xuất sanh vô tận, trọn khắp hết thảy, hết thảy pháp này, hết thảy Phật pháp đều do nó sanh ra, hết thảy phiền não, nghiệp chướng, tập khí cũng là do nó sanh ra. Chuyện này là thế nào? Giác ngộ rồi thì sanh ra hết thảy Phật pháp, mê rồi thì sanh ra hết thảy vọng tưởng phân biệt chấp trước, những thứ này xuất hiện rồi. Cho nên đối với hết thảy điều phi pháp, điều đối nghịch này, chúng ta cũng đừng khinh thường họ, tại sao? Thể của họ là chân thật, chỉ là họ mê rồi nên biến thành như vậy, họ hết giác ngộ thì sẽ khôi phục lại bình thường. Cho nên chư Phật Bồ-tát đối với chúng sanh trong địa ngục đều cung kính, đối với muỗi kiến cũng không dám thất lễ, nguyên nhân là gì? Nếu bạn nhìn từ mặt khác, họ giác ngộ rồi thì họ đều là Phật, họ vốn dĩ là Phật, mặc dù đang mê nhưng bản tánh của họ không hề mê, điều này phải biết. Bản tánh vĩnh viễn thanh tịnh, nó không bị ô nhiễm, không sanh không

diệt; còn cái mê đó là giả, mê thì có sanh có diệt, mê có nhiễm, có tịnh, có thiện, có ác. Chúng ta có thể đem những sự việc này làm cho tường tận, làm cho sáng tỏ, thì chúng ta ở trong hết thấy thế gian, hết thấy thế gian trong mười pháp giới, tâm bình đẳng của chúng ta sẽ sanh khởi, bất luận cảnh giới nào, chúng ta nhìn nhận thấy đều đồng đẳng như nhau, đây gọi là Phật tri Phật kiến. Phật không có tâm phân biệt, Phật không có tâm chấp trước, Phật không có khởi tâm động niệm; Bồ-tát có khởi tâm động niệm, nhưng không có phân biệt chấp trước. Sự học tập của chúng ta phải thông qua cấp độ này, cho nên gọi là Pháp tạng của Phật.

“Cho nên nhập pháp tạng của Phật, chính là khéo nhập Phật huệ, thông đạt đại trí trong kinh Pháp Hoa”, chính là ý nghĩa này. Dùng phương tiện khéo léo khéo nhập Phật huệ, Phật huệ là trí tuệ bát-nhã vốn đầy đủ trong tự tánh. Thông đạt đại trí, đại trí này là khởi dụng, là hậu đắc trí, chính là phương tiện khéo léo. “Lại nữa, sách Chân Giải dựa theo nghĩa từ quả hướng nhân mà giải thích rằng”, dùng ý nghĩa này để giải thích, “bảo tạng hết thấy công đức của Như Lai, chính là công đức của Phật quả vậy. Biển báu công đức lớn lao này, được gọi là pháp tạng của Phật”, gọi thành pháp tạng của Phật, “tức là Nhất thừa mà Phật đã đắc”. Những gì chư Phật Như Lai chứng đắc là Nhất thừa, Nhất thừa chính là Phật thừa, chứng đắc Phật quả cứu cánh viên mãn. Cho nên trong hết thấy kinh, có kinh Tiểu thừa, có kinh Đại thừa, có kinh Nhất thừa, kinh Nhất thừa chỉ có mấy bộ như vậy, Hoa Nghiêm là kinh Nhất thừa, Pháp Hoa là kinh Nhất thừa, Vô Lượng Thọ là kinh Nhất thừa. Những gì được nói trong kinh Nhất thừa này, bảo tạng hết thấy công đức của Như Lai, đây là quả Phật cứu cánh mà Bồ-tát tu hành chứng đắc, công đức đầy đủ ở bên trong là biển báu công đức lớn lao này, biển là thí dụ, biển báu công đức lớn lao lấy không cạn, dùng không hết. Cho nên nói đến phước báo, phước báo của ai là lớn nhất? Phước báo thế gian và xuất thế gian không có ai có thể sánh bằng Phật, trí tuệ và phước báo [của Phật] đều cứu cánh viên mãn. Thế nhưng phải hiểu, Phật là tự tánh của chúng ta, nếu chúng ta minh tâm kiến tánh, chúng ta thành Phật rồi, trí tuệ và phước báo của chúng ta không ai có thể sánh bằng. Đây chính là pháp tạng của Phật, đây chính là pháp Nhất thừa mà Phật đắc được, là trí tuệ viên mãn của pháp Nhất thừa. Cho nên pháp tạng của Phật, chính là trí tuệ đức tướng vốn đầy đủ trong tự tánh mà Thích-ca Mâu-ni Phật đã nói trong kinh Hoa Nghiêm. Ngài nói rất hay, “tất cả chúng sanh đều có trí tuệ đức tướng của Như lai, nhưng vì vọng tưởng chấp trước mà không thể chứng đắc”, chúng ta có thể buông xuống vọng tưởng chấp trước thì liền chứng đắc. Bạn xem phàm phu thành Phật, theo lý mà nói thì trong một sát-na, bạn chịu buông xuống

thì kinh giáo này hoàn toàn là của bạn. Bạn chỉ cần vừa buông xuống, chẳng cần phải đọc nó, bạn đã hoàn toàn đầy đủ, hết thấy các pháp thể gian và xuất thể gian không gì không biết, không gì không thể. Chúng ta sáng tỏ đạo lý này, hiểu được chân tướng sự thật này, cho nên mới thật làm! Biết được lợi ích này quá lớn. Nếu không làm như vậy thì tổn thất của chúng ta quá lớn, ngày tháng trôi qua khổ cực như thế. Thành Phật được đại tự tại, vui sướng biết bao! Cư sĩ Hứa Triết cũng không sánh bằng, điều này quý vị phải biết, không ai có thể sánh bằng. Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta học tới đây.